

Mật Tạng Bộ 3 _ No.1197 (Tr.938 _ Tr.939)

PHẬT NÓI
VĂN THÙ SƯ LỢI 108 DANH PHẠT TÁN

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thí Hồng Lô
Khanh_ Truyền Giáo Đại Sư PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch

Việt dịch: HUYỀN THANH

Nay Ta tuyên nói
Văn Thù Sư Lợi
Trăm lẻ tám tên
Công đức thù thắng
Một ngày ba thời
Thọ trì đọc tụng
Ý nguyện mong cầu
Quyết định hiện tiền
Trì theo Pháp Khóa
Thân luôn thanh tĩnh
Tôi chướng tiêu trừ
Hoặc vào quân trận
Các nơi đáng sợ
Văn Thù hiện thân
Tác làm Thủ Hộ
Nếu thường tụng niệm
Mau chứng Bồ Đề

1_ Phạn Tán thứ nhất:

**Bát-la ni bát đát-dã, mâu nẽ mẫu lý-dà-nắng, tô bát-la tam nẽ nắng, tức đa,
sa phộc xoa-dã, ma-dã, a nẽ-dã nắng ma nẽ, tam một thái la đổ phộc la ni đán**

PRANI PATYA MUNI MURDHAH , SUPRA SANNINA CITTA
SÀVAKSYA , YAMYA ADYANAMÀNI SAMBUDDHA IRADHO VARADETAM

2_ Phạn Tán thứ hai:

**Tô lõ bố, lõ ba đà lý tả, tát lý phộc lõ bố hạ-dã đống, đa-la, tát lị-phộc lạc xoa
noa, tam bố la-noa, mạn tổ thất-lý long đa ma thất-lý dã**

SURÙPO RÙPADHÀRI CA, SARVA RÙPO HYATAM TARA, SARVA
LAKŞANA SAMPŪRNA MAÑJU'SRÌ UTTAMA 'SRIYA

3_ Phạn Tán thứ ba:

A tiến đát-dã tiến đát-dã, vĩ nga da. A tiến đát-dụ bộ đa vĩ yết-la mạc. A tiến đát-dã, tát lị-phộc đạt lý-ma noa. A tiến đát-dụ ma nǎng sa tát-dát tha

ACINTYÀ CINTYA VIGATA_ ACINTYO BHÙTA VIKRAMO_ ACINTYA SARVA DHARMÀNA ACINTYO MÀNASA STATHÀ

4_ Phạn Tán thứ tư:

Thú nẽ-dã da, bà vĩ da, đát-ma nam. Thú nẽ-dã đạt lị-ma sa mān địa da. Thú nẽ-dã ma địa māu cật-dế thất-tả. Thú nẽ-dã đát-lý bà phộc, nẽ xá ca

‘SUNYATÀ BHÀVITA ÀTMANÀM_ ‘SUNYA DHARMA SAMÀDHITA _ ‘SUNYA MATI MUKTI ‘SCA_ ‘SUNYA TRIBHAVA DI’SÀKA

5_ Phạn Tán thứ năm:

Tát lý-phộc nghê-dã, tát lý-phộc nại lý-thể tả. Tát lý-phộc bộ di bát đế lý-vĩ bộ. Mạn tổ thất-lý phộc xá phộc lý-dế tả, bát nột-ma cật-xoa, bát nột-ma bà phộc

SARVA JÑÀ , SARVA DAR’SI CA _ SARVA BHÙMI PATIRVIBHU _ MAÑJU’SRÌ VA’SA VARTI CA _ PADMA AKŞA , PADMA SAMBHAVA

6_ Phạn Tán thứ sáu:

Bát nột-ma khẩn nhạ cảm ca, phộc la-noa thất-tả. Bát nột-ma ba lý-diêm ca ma sa nǎng nẽ, lộ đát-ba la, đà la, bố da, ba vĩ đát-la thiết đa ma sa nǎng

PADMA KIÑJALKA VARNA ‘SCA _ PADMA PARYAÑKAM ÀSANI UTPALA DHÀRA PÙTA, PAVITRA ‘SÀTAM ÀSANA

7_ Phạn Tán thứ bẩy:

Bát-la đát-dã ca một đô, một đà sa đát-noan. A nẽ mô đô nẽ lộ tả-dã đế, khất-lý đê xá ma, thi đa, bát-la bát-đa, thất-tán đổ tát đát-dụ ba na xá ca

PRATYEKA BUDDHO BUDDHA STVAM _ ÀDHI BUDDHA NIRUCYATE HRDI MÀM _ ‘SITA PRÀPTA ‘SCA TUH SATYOPADAR’SAKA

8_ Phạn Tán thứ tám:

Lộ ca bá la, sa hạ sa-la khất-xoa, y tháp-phộc la sa-đát-noan, bát-la nhạ bát đế, thi phộc sa-đát-noan, tát lý-phộc bộ đa nam sa-đát-noan, vĩ đô ngu noa, sa nga la

LOKAPÀLA SAHASRA AKŞA I’SVARA STVAM _ PRAJÀPATE ‘SIVA STVAM _ SARVA BHÙTANÀM SATTVAM VIBHUGUÑA SÀGARA

9_ Phạn Tán thứ chín:

Ất-lý sử sa-đát-noan, bôn ni-dã, thất-lý sắt-trú-tả. Tế sắt-trú, nhạ đế, sa-ma la sa-đát tha, vĩ nǎng dã câu, vĩ nẽ đa tả, nhĩ nǎng bồ đát-lõ, nhĩ nǎng đát-ma nhạ

HR STVAM PUNYA ‘SREŠTHO CA JYEŠTHO JÀTI SMARA STATHÀ VINAYAKO VIDITÀ CA JINAPUTRO JINA ÀTMA-JA

10_ Phạn Tán thứ mười:

Sa đő, sa hạ sa-la la thấp-di sa-đát-noan, tô ma sa-đát-noan tả vật-lý hạ sa-bát để, đà nă̄ng nő, phộc lõ noa thất-chiến phộc sa-đát-noan, vĩ sắt-noa sa-đát-noan, ma tú tháp-phộc la

SÀDHU SAHASRA RA’SMI STVAM_ SOMA STVAM CA BRHASPATI
DHÀNADO VARUÑA ‘SCEVA STVAM_ VIÑNU STVAM MAHE’SVARA

11_ Phạn Tán thứ mười một:

A nan đő nă̄ng nga la nhạ sa-đát-noan, sa-kiến độ tế nă̄ng bát để sa-đa tha, phệ ma tức đát-la tô lý nại-la sa-đát-noan, bà ma, thiết cật-la đà na sa-đát tha

ÀNANDO NÀGARÀJA STVAM_ SKANDO SENÀPATI STATHÀ
VEMACITRA SUR-INDRA STVAM_ BRAHMA ‘SÀKRA TANA STATHÀ

12_ Phạn Tán thứ mười hai:

Tát lý-phộc nẽ phộc ma dụ vĩ la. Tát lý-phộc nẽ phệ nă̄ng ma tắc-cật-lý-đa , lộ ca đạt lý-ma ma la để đő sa-đát-noan, lộ kế tả nga-la bồ na-nга la

SARVA DEVA MAYO VÌRA _ SARVA DEVI NAMASKRTA _ LOKA
DHARMA BALÀ TÌTU STVAM_ LOKE CA ARGA PUDGALA

13_ Phạn Tán thứ mười ba:

Lộ ca nga-dã, lộ ca vĩ, nga-dã đő, nhạ đế nam, bát-la phộc lõ phộc la, phộc la, nő la dã nă̄ng đát-la noa, a đô-lý sa-dụ, ma la ca lý-di noản

LOKÀGRYA LOKA VID AGRYA TU , JATENÀM PRAVARO VARA-
BALA DURAYANA TRÀÑA ADHRSYO MÀRA KÀRMANÀM

14_ Phạn Tán thứ mười bốn:

**Nghiêm ty la thất-tả, nă̄ng phộc nẽ-dã thất-tả, ca la-dã noa, di đát-la tam bá
na, phệ nại-dã sa-đát-noan, xá la-dã hän lý-đa tả, nă̄ng la nan ma-dã tō sa la thể**

GAMBHÌRA ‘SCA _ NAVA-NYA ‘SCA _ KÀRYÀÑA MITRA SAMPANNA ,
VINAYA STVAM_ ‘SÀLA MÙRTA ‘SCA , NARA DAMYSU SÀRATHI

15_ Phạn Tán thứ mười lăm:

Ma đế hàm, nga đế hàm, thất-chiến phộc , một đê hàm thất-tả, vĩ tả khất-xoa noa, bôn noa-dã noan, yết la-ba một-lý khất-xoa thất-tả, mạo địa-dựng nga, bồ sáp-ba mạn ni đà

MATI MÀM , GATI MÀM , ‘SCEVA BUDDHI MÀM ‘SCA _ VICAKSANA
PUNYA VAM , KALPA MRKŠA ‘SCA BODHYÀÑGA PUSPA MANDITA

16_ Phạn Tán thứ mười sáu:

**Vĩ mục cật-để phả la, tam bán nă̄ng. A sa-la dã, tát lý-phộc nẽ tú nam, ma nő
hạ lõ, ma nő nga-dã thất-tả. A nă̄ng lý-cụ , một-la hám ma tả lý noản**

VIMUKTI PHALA SAMPANNA À’SRAYA _ SARVA DEHINÀM MANO
HARO MANO ÀGRYA ‘SCA _ ANARGHO BRAHMA CÀRINÀM

17_ Phạn Tán thứ mười bảy:

**Kế đő sa đát-noan, nga-la hạ thất-lý sa71t-tra sa-đát-noan, lý sử ty mẫu nẽ,
bố nga phộc, diệu phộc la nhạ ty sử cật-đa đát-noan, na xá bộ di thấp-phộc lõ,
bát-la bộ**

KETU SATTVAM GRAHA ‘SREŚTHA STVAM _ R̄ŚABHIMUNI
PUMGAVA YUVA RĀJA ABHIŚIKTA TVAM _ DA’SA BHŪMI ‘SVARO
PRABHU

18_ Phạn Tán thứ mười tám:

**Sa lý-tha phộc hộ nga noa thất-lý sắt-tra, nẽ lý-phộc ni-sở đa ma nẽ xá ca,
khư sa-ma ma địa-dã yết la-ba sa-đát-noan đát-phộc đế nhĩ phộc dụ lý phộc tả**

SĀRTHA BAHU GAÑA ‘SREŚTHA NIRVĀNI SŪTTARNA DE’SAKA
KHASMA MADYA KALPA STVAM TVATTE JIHVÀ VÌRI VACA

19_ Phạn Tán thứ mười chín:

**Đát-noan tiến đa ma ni, ma đát-phộc nam, tát lý-phộc ba lý bố la ca, năng
mô tốt-đồ đế. Ma hạ vĩ nẽ-dã, tát lý-phộc bộ đa năng ma tắc cật-lý đa**

TVAM CINTAMANI SATTVĀNĀM _ SARVA À’SÀ PARIPŪRAKA
NAMO STUTE _ MAHÀ VIDYÀ SARVA BHŪTA NAMASKRTA

PHẬT NÓI VĂN THÙ SƯ LỢI 108 DANH PHẠN TÁN

(Hết)

28/03/2006